

Vấn đề xây dựng chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm trong công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm

TRẦN HỒNG VÂN

THỰC tế nghiên cứu xã hội học thực nghiệm cho thấy mức độ hoàn thiện bước chuẩn bị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của công trình nghiên cứu.

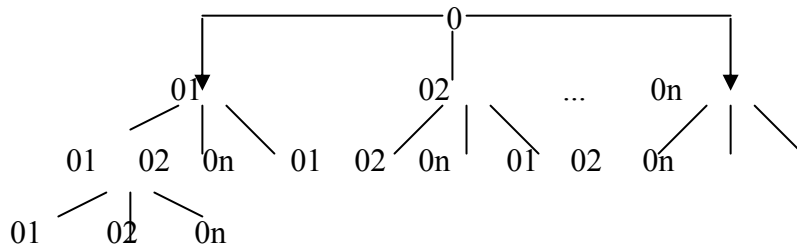
Một trong những khâu quan trọng trong bước chuẩn bị là xây dựng chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm .

Chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm là gì ? Tại sao phải xây dựng chỉ báo trước khi thu thập thông tin tại thực địa ? Xây dựng chỉ báo phải đạt những yêu cầu gì và được thực hiện theo những phương pháp nào ? Đó là những vấn đề cơ bản mà chúng tôi muốn đề cập ở bài viết này.

Mọi công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm đều sử dụng hệ thống những khái niệm để xây dựng giả thuyết, cũng như phân tích thông tin, đo lường, các đặc tính xã hội và các mối liên quan xã hội học. Trong hệ thống khái niệm đó có một số khái niệm phản ánh những thuộc tính khá đơn giản của các hiện tượng hay các quá trình xã hội cần nghiên cứu, còn đa số những khái niệm rất phức tạp và trừu tượng mà chúng ta không thể sử dụng trực tiếp để nêu ra câu hỏi, cho phép thu nhận thông tin dễ dàng, xác thực. Khái niệm phức tạp và trừu tượng đó gọi là khái niệm cơ bản hay chỉ báo khái niệm cơ bản. Ví dụ các khái niệm : lối sống, khả năng lao động, tính tích cực lao động, tính tích cực xã hội, làm chủ tập thể, kế hoạch hóa gia đình, v.v... Trong các công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm, những khái niệm trừu tượng đó được khai triển, phân hóa thành những khái niệm cụ thể hơn, gọi là những khái niệm thành phần hay những chỉ báo khái niệm thành phần. Từng khái niệm thành phần tiếp tục được cụ thể hóa tới những khái niệm đơn giản ở cấp độ thấp hơn. Nó cho phép thu nhận những thông tin cá biệt tương ứng. Những khái niệm ở cấp độ đó gọi là những chỉ báo khái niệm đơn giản hay chỉ báo thực nghiệm. Các chỉ báo thực nghiệm thường đặc trưng cho những hành vi cụ thể trong hoạt động của con người, những đặc điểm về giới tính, nghề nghiệp, độ tuổi; những nhận xét, đánh giá về tình hình thực tế của hiện tượng, sự kiện hay quá trình xã hội, v.v...

Như vậy, trong hệ thống các chỉ báo, thượng tầng (tầng cao nhất) là các chỉ báo khái niệm cơ bản, còn hạ tầng (tầng thấp nhất) là các chỉ báo thực nghiệm. Giữa thượng tầng và hạ tầng trong

hệ thống các chỉ báo đó là những chỉ báo khái niệm thành phần (tầng trung gian). Có thể minh họa hệ thống các chỉ báo bằng sơ đồ dưới đây :



Việc xây dựng hệ thống chỉ báo thực nghiệm, như đã nêu trên, về thực chất là phân tích nội dung khái niệm, cụ thể hóa các khái niệm để phục vụ nghiên cứu thực tế xã hội thông qua thông tin thực nghiệm. Hệ thống các chỉ báo đó tạo nên cấu trúc của khái niệm trừu tượng. Phức tạp (khái niệm cơ bản), phản ánh cơ cấu nội tại của hiện tượng xã hội ứng với nội dung khái niệm ấy. Đúng ra, những đặc điểm, những quy luật phát triển của cơ cấu nội tại của từng hiện tượng xã hội, cũng như việc xây dựng hệ thống khái niệm tương ứng về hiện tượng xã hội ấy thuộc đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội khác. Xã hội học sẽ căn cứ vào đó để xây dựng cho mình hệ thống những chỉ báo cần thiết theo mục đích và nhu cầu nghiên cứu thực nghiệm.

Các công trình xã hội học thực nghiệm thường phải nghiên cứu những đặc tính xã hội. Những đặc tính xã hội nói trên có thể phân làm hai loại chính: đặc tính xã hội đơn giản và đặc tính xã hội phức tạp.

Những đặc tính xã hội đơn giản được phản ánh trong nội dung khái niệm đơn giản mà thông tin về nó có thể thu nhận bằng một chỉ báo thực nghiệm trực tiếp. Xử lý thông tin về những đặc tính xã hội đơn giản sẽ nhận được sự phân bố đối tượng điều tra theo ((trị số)) của các chỉ báo tương ứng.

Các đặc tính xã hội phức tạp được phản ánh trong nội dung những khái niệm phức tạp. Chúng ta bao hàm những khía cạnh, những phương diện và những mặt khác nhau của các hiện tượng, các vấn đề xã hội cần nghiên cứu mà khó có thể thu nhận thông tin thông qua một chỉ báo duy nhất, ví dụ khái niệm lối sống, khái niệm tinh thần làm chủ tập thể, khái niệm tính tích cực xã hội, khái niệm đặc điểm tâm lý – xã hội, khái niệm ý thức chính trị - xã hội, v.v...Chúng thường chiếm vị trí trọng tâm trong các công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm. Vì vậy sử dụng phương pháp nào để thu nhận thông tin và đo lường các thực tính xã hội phức tạp là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt trong nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.

Có hai cách thu nhận thông tin và đo lường các đặc tính xã hội phức tạp.

Cách thứ nhất : Thu nhận thông tin và đánh giá trực tiếp nội dung đặc tính xã hội phức tạp thông qua những chỉ báo khái niệm cơ bản hay chỉ báo khái niệm thành phần. Theo phương pháp này, người ta có thể đưa ra câu hỏi đi thẳng vào nội dung đặc tính xã hội phức tạp cần nghiên cứu cho từng đối tượng điều tra. Chẳng hạn, người ta đưa ra câu hỏi như : ((Ông (bà), anh (chị) có nhận xét gì về tinh thần làm chủ tập thể ở nông thôn hiện nay?)), đồng thời định ra một số câu trả lời sẵn về mức độ khác nhau của tinh thần làm chủ (cao, bình thường, thấp kém), v.v...

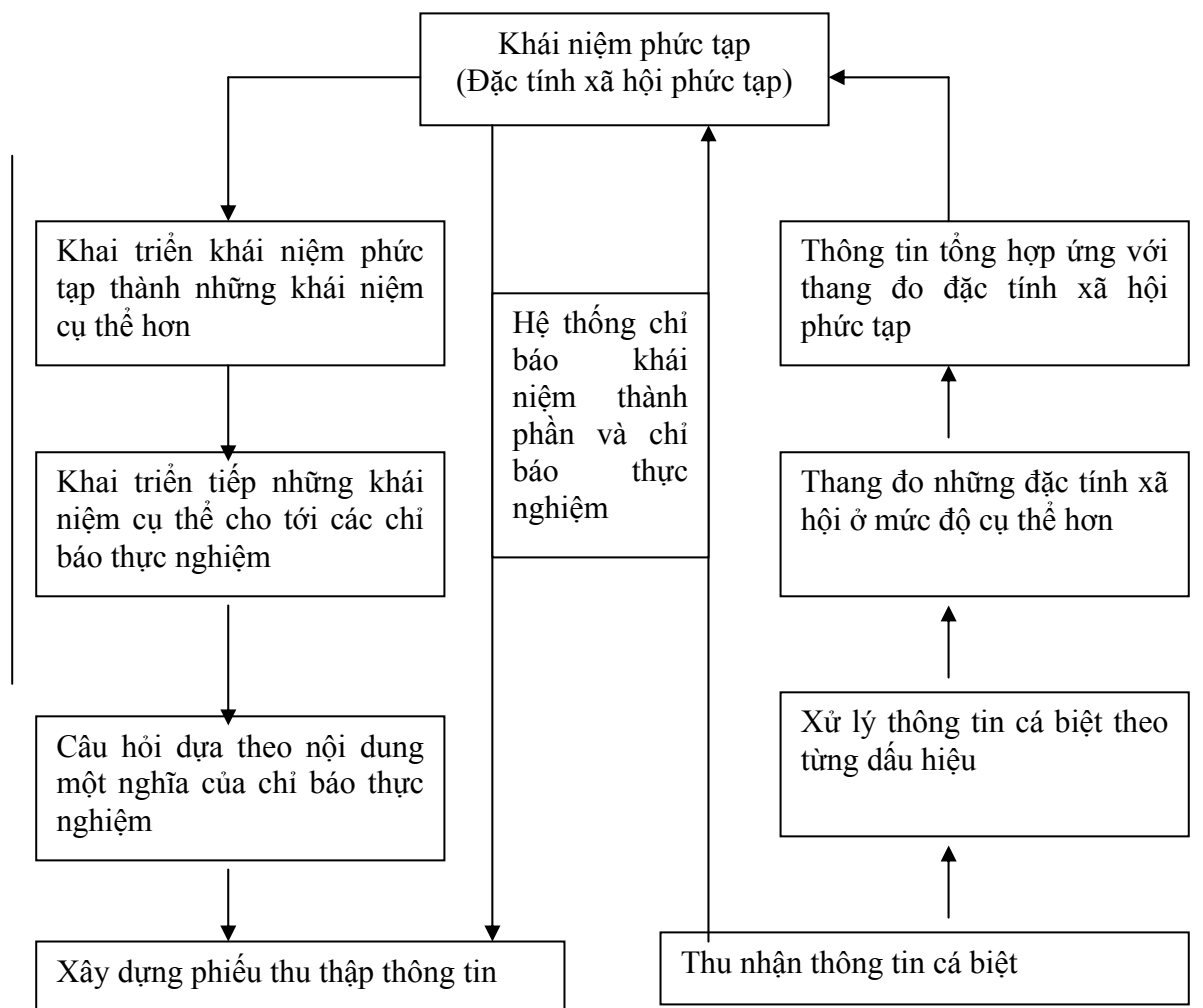
Phương pháp này có nhiều nhược điểm :

Với cách đặt câu hỏi trực tiếp về một đặc điểm xã hội phức tạp như tinh thần làm chủ tập thể chẳng hạn, liệu có thể thu nhận được thông tin xác thực không, trong khi khái niệm làm chủ tập thể là một phạm trù rộng lớn, chưa được hiểu và quán triệt như nhau đối với tất cả mọi người. Để đạt được mục đích nghiên cứu, người ta hoặc phải ra sức giải thích trực tiếp khi gặp gỡ đối tượng điều tra, hoặc phải diễn giải dài dòng trong bảng hướng dẫn thu nhận thông tin về nội dung khái niệm làm chủ tập thể cũng như tiêu chuẩn đánh giá.

Với phương pháp này, nếu quá trình phân tích, mổ xẻ khái niệm không được thực hiện đầy đủ, không liên tục và không được chuẩn bị thật chu đáo trước khi thực hiện điều tra nghiên cứu thì kết quả sẽ hết sức hạn chế. Mặt khác, nếu toàn bộ nội dung nghiên cứu và thủ pháp thu nhận thông tin được trao cho các đối tượng điều tra hoặc điều tra viên, thì sẽ không đảm bảo chắc chắn thu nhận được thông tin theo đúng nhu cầu của người nghiên cứu, cho dù những điều giải thích có chi tiết, tỉ mỉ.

Cách thứ hai: Đo đặc tính xã hội phức tạp trên cơ sở thu nhận thông tin theo các chỉ báo thực nghiệm. Về thực chất đây cũng là cách đánh giá trực tiếp, những đánh giá trực tiếp từ chính các thông tin cá biệt ứng với những chỉ báo thực nghiệm, thông qua các thang đo xã hội học. Từ kết quả tổng quát hóa thông tin như vậy, ta sẽ nhận được thông tin tổng hợp ứng với ((trị số)) thực nghiệm tập trung cho một đặc tính xã hội cụ thể muốn nghiên cứu.

Vị trí của hệ thống chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm để đánh giá đặc tính xã hội phức tạp ở một công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm có thể thấy rõ qua sơ đồ dưới đây :



Sơ đồ này biểu thị rằng hệ thống chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm là kết quả của quá trình ((mở xẻ)) khái niệm, đồng thời là cái ((cần)) cho quá trình tổng quát hóa thông tin thực nghiệm sau này.

Việc ((mở xẻ)) khái niệm để xây dựng hệ thống chỉ báo khái niệm thành phần và chỉ báo thực nghiệm thường thực hiện như sau : Phân tích lý thuyết những đặc tính xã hội phức tạp cần nghiên cứu xuất phát từ cơ cấu của chính khách thể nghiên cứu dựa trên cơ sở những hiểu biết lý thuyết đã có về đặc tính xã hội phức tạp ấy.

Việc phân tích ((mở xẻ)) khái niệm để xác định các chỉ báo khái niệm thành phần cũng như chỉ báo thực nghiệm cần bám sát mục đích, nhiệm vụ và nội dung cụ thể của công trình nghiên cứu xã hội học thực nghiệm.

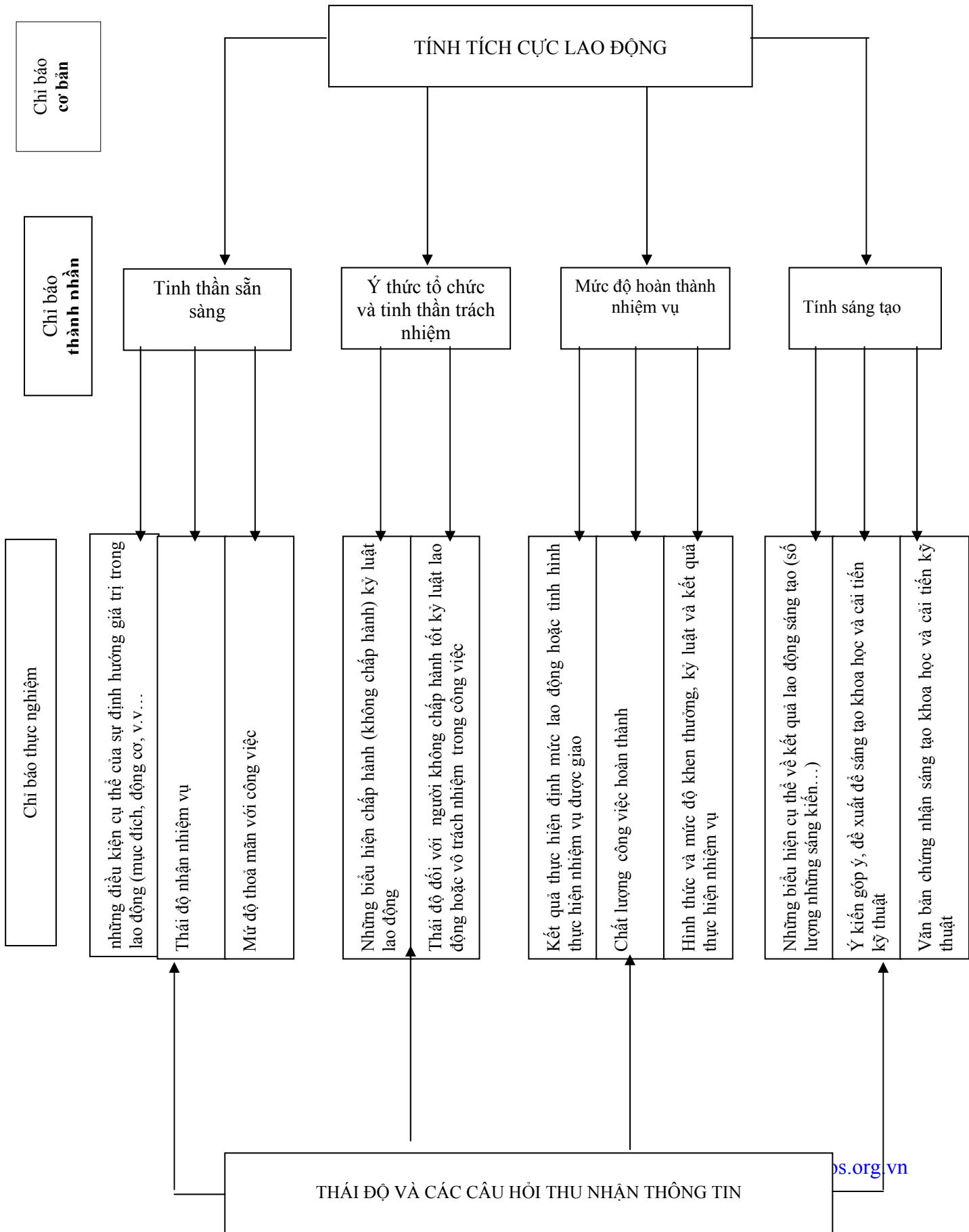
Hệ thống các chỉ báo sẽ là hợp lý nếu chúng đáp ứng những yêu cầu quan trọng sau đây :
tính xác định, tính đầy đủ và tính không mâu thuẫn.

- Tính xác định của chỉ báo thể hiện ở chỗ : nội dung cụ thể, rõ ràng, cho phép hiểu đúng nghĩa của chỉ báo .
- Tính đầy đủ của hệ thống chỉ báo thể hiện ở chỗ : giữa khái niệm cơ bản và các chỉ báo khái niệm thành phần ở các cấp độ khác nhau cũng như giữa các chỉ báo thành phần với các chỉ báo thực nghiệm (kể cả những câu hỏi tương ứng) có mối quan hệ hữu cơ (tính thống nhất về nội dung khái niệm).
- Tính không mâu thuẫn của hệ thống chỉ báo thể hiện ở chỗ : lôgic giữa nội dung khái niệm cơ bản hay khái niệm phức tạp với những chỉ báo thành phần hoặc chỉ báo thực nghiệm tương ứng phải được đảm bảo. Chẳng hạn, nếu xem ((thái độ lao động)) là một nội dung của khái niệm ((kỷ luật lao động)) thì điều đó là mâu thuẫn, bởi vì ((kỷ luật lao động)) là một trong những biểu hiện cụ thể của ((thái độ lao động)), chứ không phải ((thái độ lao động)) là một biểu hiện cụ thể của ((kỷ luật lao động))).

*

* *

Để minh họa cho phương pháp xây dựng chỉ báo, xin dẫn một ví dụ về chỉ báo khái niệm phức tạp: ((tính tích cực lao động)). Tính tích cực lao động không thể hiểu đơn giản chỉ là biểu hiện của tinh thần và thái độ lao động, mà phải xét trong mối tương quan chặt chẽ, thống nhất giữa các khía cạnh như tinh thần sẵn sàng trong lao động; ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ: mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tính sáng tạo khoa học, kỹ thuật trong lao động. Đây chính là những chỉ báo thành phần của khái niệm cơ bản: tính tích cực lao động. Từng chỉ báo khái niệm thành phần được tiếp tục triển khai cho tới các chỉ báo khái niệm thực nghiệm để trên cơ sở đó đưa ra những câu hỏi thu nhận, thông tin cá biệt. Quá trình này được minh họa bằng sơ đồ sau đây (xem trang 95).



Có nhiều cách hiểu khác nhau và do đó có nhiều mô hình khác nhau về khái niệm tính tích cực lao động. Mô hình chúng tôi đưa ra chỉ nhằm mục đích minh họa cho các cách thức xây dựng hệ thống các chỉ báo.

Có thể đưa thêm một ví dụ cụ thể khác. Khi nghiên cứu tính tích cực lao động hay tính tích cực xã hội, người ta thường thu nhận thông tin về trình độ văn hóa của đối tượng điều tra để xác định ảnh hưởng của yếu tố này đối với hiện tượng xã hội muốn nghiên cứu.

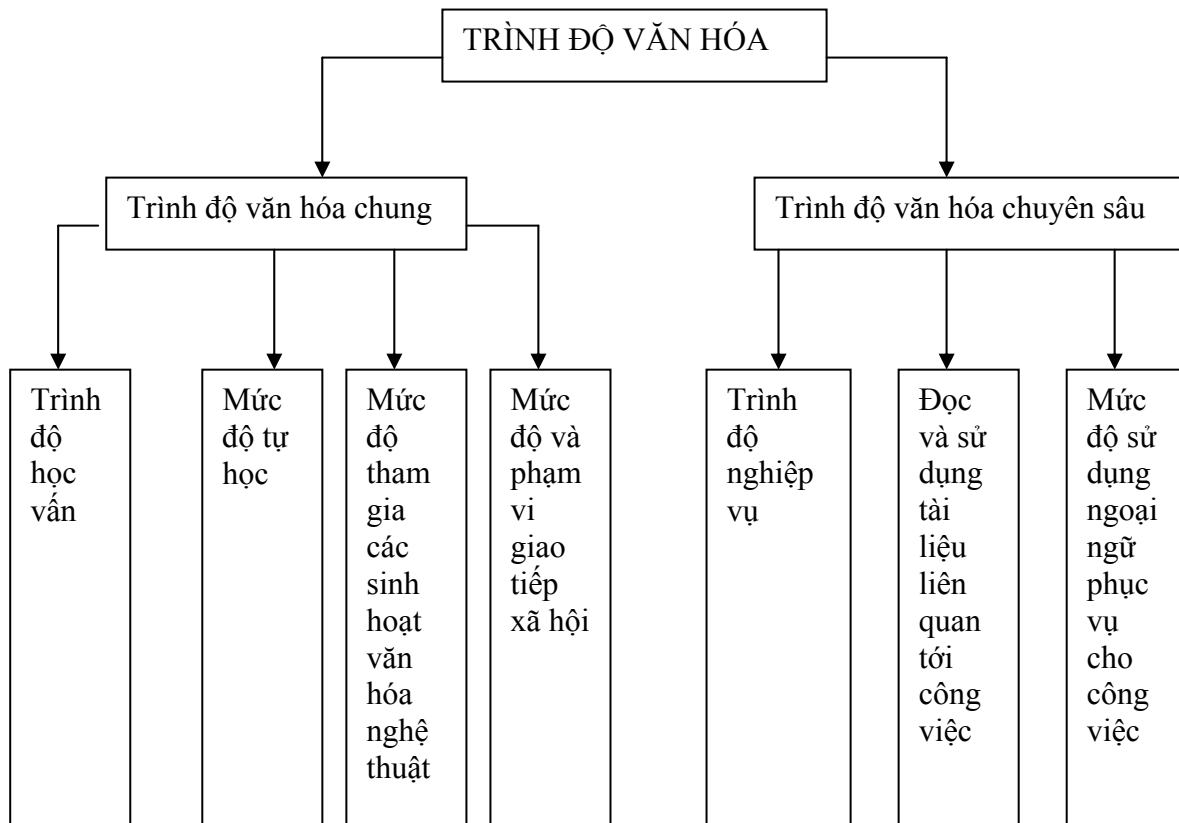
Nói đến trình độ văn hóa, người ta thường hiểu theo nghĩa ((trình độ học vấn)). Do đó, để nghiên cứu ảnh hưởng của trình độ văn hóa đối với tính tích cực lao động, nhiều tác giả các công trình nghiên cứu thường chỉ thu nhận thông tin về trình độ học vấn đã tốt nghiệp như : cấp 1, cấp 2, cấp 3, trung cấp, cao đẳng, đại học, (hệ cũ).

Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình hình này là chưa xác định rõ hệ thống những chỉ báo phản ánh tương đối đầy đủ nội dung của khái niệm tương như đơn giản là : trình độ văn hóa.

Nói đến trình độ văn hóa, trước hết phải hiểu đó là trình độ văn hóa chung.

Trình độ học vấn chỉ là cái mốc đánh giá sự kết thúc một giai đoạn tiếp nhận lượng tri thức nhất định của mỗi người. Điều quan trọng và đáng chú ý ở đây là từ sau ((kết thúc)) đó, người ta vẫn tiếp tục nâng cao hiểu biết về tự nhiên và xã hội ở những mức độ và phạm vi khác nhau. Lúc này, trình độ hiểu biết tùy thuộc vào mức độ tự học, mức độ và phạm vi giao tiếp xã hội, tiếp cận với nền văn hóa nghệ thuật, v.v...

Với cách đặt vấn đề như vậy, ((trình độ học vấn)) chỉ cụ thể được xem như một trong những chỉ báo thực nghiệm của khái niệm trình độ văn hóa chung. Bản thân trình độ văn hóa chung cũng mới chỉ là một trong những chỉ báo khái niệm thành phần của trình độ văn hóa, bao gồm : trình độ văn hóa chung và trình độ văn hóa chuyên sâu. Sơ đồ hệ thống chỉ báo khái niệm và chỉ báo thực nghiệm của trình độ văn hóa được thể hiện như sau:



Vì vậy, theo chúng tôi, khi nghiên cứu sự ảnh hưởng của trình độ văn hóa đối với một vấn đề xã hội nào đó thì ít nhất cũng phải nghiên cứu sự ảnh hưởng của trình độ văn hóa chung, chứ không thể chỉ dừng ở trình độ học vấn. Tuy từng vấn đề xã hội mà có thể xét thêm cả sự ảnh hưởng của trình độ văn hóa chuyên sâu, chẳng hạn như khi nghiên cứu ảnh hưởng của trình độ văn hóa đối với tính tích cực lao động, đối với năng suất và hiệu quả công tác, v.v...

Tuy nhiên, vấn đề nêu trên chỉ có tính chất giới thiệu, gợi mở. Muốn áp dụng thực tế, cần có quá trình tiếp tục xây dựng cho hoàn chỉnh hơn.

Xây dựng hệ thống chỉ báo cho công trình nghiên cứu xã hội thực nghiệm là một việc khó khăn, phức tạp. Nó đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng và trí tuệ của từng nhà nghiên cứu cũng như sự kết hợp chặt chẽ, sự đầu tư trí tuệ tập thể của các nhà xã hội học.

